TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẠM TẤU** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày: 22-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Lân;

2. Ông Lò Văn Quỳnh.

Thư ký phiên toà: Bà Lù Thị Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức V, sinh ngày 01-11-2000 tại thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú tổ dân phố T, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị Thu H; vợ, con: Không; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 06-6-2021, có mặt.

- *Bị hại:*

+ Lại Quốc T, sinh năm 1964; nơi cư trú tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Phạm Thị T, sinh năm 1965; nơi cư trú tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Hoàng Thị H, sinh năm 1994; nơi cư trú thôn L, xã Hát L, huyện T, tỉnh Yên Bái, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Lò Thị H, sinh năm 1979; nơi cư trú thôn L, xã Hát L, huyện T, tỉnh Yên Bái, vắng mặt (ủy quyền cho Hoàng Thị H tham gia tố tụng).

+ Trần Văn T, sinh năm 1985; nơi cư trú tổ 3, phường C, thị xã N, tỉnh Yên Bái, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Nguyễn Đ, sinh năm 1979; nơi cư trú tổ dân phố T, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

+ Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981; nơi cư trú tổ dân phố T, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng:

Lại Văn C, sinh năm 1995; nơi cư trú tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

Lò Văn L, sinh năm 1992; nơi cư trú thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/3/2021 Nguyễn Đức V đón xe khách từ thành phố Hà Nội đi lên thị trấn T, huyện T, sau đó đi bộ vào Homestay H tại thôn L, xã H, huyện T do chị Hoàng Thị H là chủ cơ sở kinh doanh, để lấy phòng nghỉ. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, V hỏi chị H mượn xe mô tô ra thị trấn T đón bạn, thì anh Lò Văn L bảo tí nữa anh L đưa đi, nhưng sau đó anh L bận nên V tiếp tục hỏi chị H mượn xe, chị H đồng ý và chỉ cho V mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, biển kiểm soát 21K1-391.16 có chìa khóa cắm sẵn ở xe; chiếc xe mô tô này của chị Lò Thị H giao cho chị H quản lý, sử dụng. Sau khi mượn được xe, V điều khiển xe đến thị trấn T, thì xe sắp hết xăng nên bị cáo vào cây xăng thị trấn T để đổ xăng. Khi mở cốp xe để đổ xăng bị cáo phát hiện trong cốp xe có giấy đăng ký xe mang tên Lò Thị H, nên bị cáo V đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe. Sau khi đổ xăng xong V điều khiển xe mô tô đi xuống thị xã N rồi vào cửa hàng mua bán xe máy cũ của anh Trần Văn T, tại tổ 3, phường C, thị xã N bán với giá 11.000.000 đồng. Số tiền này V đã tiêu sài cá nhân hết.

Khoảng 19 giờ 15 phút, ngày 06/6/2021 tại nhà nghỉ T tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện T, khi đi ra ngoài để mua đồ ăn tối, bị cáo Nguyễn Đức V phát hiện trong sân trước cửa nhà nghỉ có để một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại xe JF51SHMODE, màu sơn vàng nâu, biển kiểm soát 21B1-270.63, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi quan sát không có người qua lại, V dắt lùi xe mô tô ra đường rồi nổ máy điều khiển xe đi theo hướng xuống thị xã N mục đích là mang đi tiêu thụ. Khi V điều khiển xe mô tô đến thôn km14+17, xã T phát hiện thấy có người đuổi theo nên bị cáo đã rẽ vào trước hiên nhà một nhà dân ở ven đường rồi dừng lại. Lúc này Lại Văn C đi đến yêu cầu V trả lại xe, V lấy chìa khóa xe vừa trộm cắp được đưa cho C, rồi bỏ chạy xuống khe suối ven đường trốn, khoảng một tiếng đồng hồ thì bị Cơ quan Công an phát hiện và yêu cầu về trụ sở Công an huyện Trạm Tấu để xác minh, làm rõ. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Đức V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm soát 21K1-391.16; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lò Thị H; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại xe

JF51SHMODE, màu sơn vàng nâu, biển kiểm soát: 21B1-270.63; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lại Quốc T; 01 giấy phép lái xe mang tên Lại Quốc T.

Bản Kết luận định giá tài sản số: 07 KL- HĐĐG ngày 09/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trạm Tấu kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại xe JF51SHMODE, màu sơn vàng nâu, biển kiểm soát 21B1-270.63, số khung 5100DY066456, số máy F51E-0066494, đăng ký lần đầu vào ngày 14/4/2014 có trị giá là: 35.000.000 đồng *(ba mươi lăm triệu đồng chẵn)*

Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 21/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trạm Tấu kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm soát 21K1-391.16, số khung 3905HY773498, số máy JA39E0753670, đăng ký lần đầu vào ngày 01/02/2019 có trị giá là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS-TT ngày 26-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức V về các tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo V khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản vào ngày 08 tháng 3 năm 2021 và ngày 06 tháng 6 năm 2021 như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu đã truy tố.

Bị hại Lại Quốc T, Phạm Thị T, trong đơn xin xét xử vắng mặt trình bày đã được cơ quan điều tra trả chiếc xe mô tô bị cáo chiếm đoạt, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại Hoàng Thị H trình bày đã được cơ quan điều tra trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm soát 21K1-391.16 bị cáo đã chiếm đoạt, nên về dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn T trong đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Đã được gia đình bị cáo trả lại số tiền 11.000.000 đồng, nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức H, Trần Thị Thu H cùng thống nhất trình bày: Bị cáo không tác động, đề nghị bố mẹ bồi thường, nhưng ông bà đã tự nguyện bồi thường thiệt cho anh Trần Văn T, bà Phạm Thị T; số tiền ông bà bồi thường thay bị cáo, ông H, bà H không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xử tại phiên tòa trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Đức V về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm h, điểm r, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của

Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Đức V phải chịu là từ 27 tháng đến 36 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết; về vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại JF51 SHMODE, màu sơn màu vàng nâu, biển kiểm soát: 21B1-270.63; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lại Quốc T; 01 giấy phép lái xe mang tên Lại Quốc T; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, biển kiểm soát 21K1-391.16, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lò Thị H. Những vật chứng này đã được Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Lại Quốc T và Hoàng Thị H, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Đức V phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến tranh luận của bị cáo: Khi hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô SHMODE, biển kiểm soát: 21B1-270.63 bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện đưa lại chìa khóa xe cho anh Lại Văn C, do đó hành vi của bị cáo thuộc trường hợp chưa gây thiệt hại; Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt từ 18 đến 24 tháng tù đối với tội trộm cắp tài sản là nặng, đề Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Ý kiến tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên: Đối với tội trộm cắp tài sản hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành; do đó, không thuộc trường hợp chưa gây thiệt hại theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; trị giá tài sản bị cáo trộm cắp là 35.000.000 đồng so với trị giá quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là lớn, nên Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt từ 18 tháng đến 24 tháng tù là có căn cứ.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Đối với hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Vào khoảng 18 giờ, ngày 08-3-2021 tại Homestay H thôn L, xã H, huyện T, Nguyễn Đức V đã có hành vi mượn 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm soát 21K1-391.16 do Hoàng Thị H là người quản lý để ra thị trấn T chơi. Tại cây xăng thị trấn T thuộc tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện T bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô, nên đã điều khiển chiếc xe mô tô đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của Trần Văn T, tại tổ 3, phường C, thị xã N bán với giá 11.000.000 đồng, lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi lợi dụng sự tín nhiệm của bị hại Hoàng Thị H, sau đó chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm soát 21K1-391.16, trị giá là 13.000.000 đồng, của bị cáo Nguyễn Đức V đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Về hành vi trộm cắp tài sản: Vào khoảng 19 giờ 15 phút, ngày 06-6-2021 tại nhà nghỉ T thuộc tổ dân phố số 1, thị trấn T, bị cáo Nguyễn Đức V đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại xe JF51SHMODE, màu sơn vàng nâu, biển kiểm soát 21B1-270.63 của gia đình bị hại Lại Quốc T trị giá 35.000.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu truy tố bị cáo Nguyễn Đức V về các tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất lòng tin trong quan hệ xã hội, gây tâm lý lo lắng hoang mang đối với nhân dân và góp phần làm xấu đi tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, cần đưa bị cáo ra xét xử trước pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo Nguyễn Đức V là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ việc lạm dụng sự tín nhiệm của bị hại để mượn tài sản sau đó chiếm đoạt cũng như việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật song do động cơ vụ lợi, mục đích nhằm đoạt tài sản nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Xét nhân thân: Bị cáo là người không có tiền án, tiền sự nên cần xác định bị cáo là người có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách hình sự cho bị cáo đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản".

- Đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn (13.000.000 đồng), nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn; khi hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện khai ra hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đã thực hiện trước đó; bị cáo không có việc tác động, đề nghị bố mẹ sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, tuy nhiên bố mẹ bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với tội "Trộm cắp tài sản" bị hại Lại Quốc T, Phạm Thị T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với tội "Trộm cắp tài sản"; điểm h, điểm r, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xử xét thấy: Đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài", bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xử phạt tù bị cáo ở trên mức khởi điểm của khung hình phạt, đối với tội "Trộm cắp tài sản" bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tài sản bị cáo chiếm đoạt có trị giá lớn, nên cần xử phạt tù bị cáo ở mức cao của khung hình phạt. Cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Xét thấy bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án:

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho Lại Quốc T: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại JF51 SHMODE, màu sơn màu vàng nâu, biển kiểm soát: 21B1-270.63; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lại Quốc T; 01 giấy phép lái xe mang tên Lại Quốc T; trả lại cho Hoàng Thị H: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, biển kiểm soát 21K1-391.16, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lò Thị H. Việc cơ quan Điều tra ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài

sản cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với Trần Văn T là người đã có hành vi mua chiếc xe mô tô mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, biển kiểm soát 21K1-391.16. Quá trình điều tra đã xác định được T không biết chiếc xe mô tô này là do V phạm tội mà có, nên hành vi của Trần Văn T không cấu thành tội phạm.

- Án phí: Bị cáo bị kết án, phải chịu hình phạt và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức V phạm các tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản".

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, điểm r, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V 09 *(chín)* tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V 01 *(một)* năm 08 *(tám)* tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Đức V phải chịu là 02 *(hai)* năm 05 *(năm)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị Giữ người trong trường hợp khẩn cấp, là ngày 06-6-2021.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức V phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- UBND thị trấn H;
huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Lưu hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lên